

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: NGOẠI NGỮ

THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Độc Viết Tiếng Trung Sơ cấp 1			
Mã học phần:	71CHIN30133	Số tín chỉ:	03	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71CHIN30133_01, 241_71CHIN30133_02			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		90	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có		☒ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Áp dụng tốt các điểm ngữ pháp và từ vựng căn bản để đọc hiểu và viết tiếng Trung.	Trắc nghiệm+ Tự luận	50%	21-25 và viết văn	6	PI2.1
CLO 2	Áp dụng tốt kiến thức theo chủ đề để đối chiếu được cách sử dụng tiếng Trung và Tiếng Việt	Trắc nghiệm	50%	1-20	4	PI2.2

PHẦN TRẮC NGHIỆM (25 câu x 0.2 điểm/câu = 5 điểm)

1. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

他在____室学习汉语。

- A. 教
- B. 数
- C. 楼

ANSWER: A

2. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

你想去____个国家留学?

- A. 哪

B. 哪儿

C. 那

ANSWER: A

3. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

那_____老师教什么功课?

A. 位

B. 站

C. 伪

ANSWER: A

4. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

他星期一_____星期二去日本。

A. 或者

B. 还是

C. 跟

ANSWER: A

5. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

有的人喜欢吃_____的, 有的人喜欢吃咸的, 你呢?

A. 辣

B. 新

C. 刺

ANSWER: A

6. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

这_____手表多少钱?

A. 块

B. 快

C. 筷

ANSWER: A

7. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

你们在_____见面?

A. 哪儿

B. 哪

C. 那儿

ANSWER: A

8. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

山本吃一_____面条、喝一瓶啤酒。

A. 碗

B. 婉

C. 腕

ANSWER: A

9. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

我觉得汉语_____难。

A. 有点儿

B. 一点儿

C. 一下儿

ANSWER: A

10. (0.2 điểm) Điền từ vào chỗ trống

_____ 家 商 店 的 东 西 又 多 又 便 宜 。

A. 那

B. 哪

C. 那儿

ANSWER: A

11. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

以后 / 起床 / 身体 / 锻炼 / 他

A. 起床以后他锻炼身体。

B. 他锻炼身体以后起床。

C. 以后他起床身体锻炼。

ANSWER: A

12. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

的 / 他们 / 点儿 / 去买 / 新鲜 / 水果

A. 他们去买点儿新鲜的水果。

B. 他们去买新鲜点儿的水果。

C. 他们去买新鲜的水果点儿。

ANSWER: A

13. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

怎么样 / 的 / 碗 / 这 / 味道 / 鱼汤

A. 这碗鱼汤的味道怎么样？

B. 这味道的碗鱼汤怎么样？

C. 这鱼汤碗味道的怎么样？

ANSWER: A

14. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

要买 / 她 / 还要 / 香蕉 / 买面条

A. 她要买香蕉还想买面条。

B. 她还要买面条想买香蕉。

C. 她香蕉想买还要买面条。

ANSWER: A

15. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

跟 / 有时候 / 玩 / 一起 / 我 / 朋友

A. 我有时候跟朋友一起玩。

B. 有时候我朋友跟一起玩。

C. 我有时候一起玩跟朋友。

ANSWER: A

16. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

香蕉 / 用 / 怎么 / 汉语 / 说 / 这种

A. 这种香蕉用汉语怎么说？

B. 这种香蕉用怎么汉语说?

C. 这种香蕉怎么说用汉语?

ANSWER: A

17. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

不 / 对 / 好 / 喝酒 / 觉得 / 马丽 / 身体

A. 马丽觉得喝酒对身体不好。

B. 马丽觉得喝酒不好对身体。

C. 马丽不觉得喝酒好对身体。

ANSWER: A

18. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

我 / 有时候 / 有时候 / 在家 / 在学校 / 看书 / 上网

A. 我有时候在家上网, 有时候在学校看书。

B. 我在家上网有时候, 有时候看书在学校。

C. 我有时候上网在家, 在学校有时候看书。

ANSWER: A

19. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

吗 / 买 / 还 / 别的 / 你 / 要

A. 你还要买别的吗?

B. 你要还买别的吗?

C. 还你买要别的吗?

ANSWER: A

20. (0.2 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

以后 / 去 / 我们 / 找山本 / 晚饭

A. 晚饭以后我们去找山本。

B. 以后晚饭我们去找山本。

C. 我们以后晚饭去找山本。

ANSWER: A

21. (0.2 điểm) Đọc đoạn văn ngắn, chọn câu trả lời chính xác

中国菜的味道有很多, 有酸的、甜的、苦的, 还有咸的。我喜欢吃酸的。我的留学生朋友很喜欢吃饺子, 有的喜欢吃羊肉的, 有的喜欢吃鸡肉的, 还有的喜欢吃猪肉的。很多留学生朋友喜欢吃西红柿炒鸡蛋, 这个菜有点儿甜, 也有点儿酸, 很好吃。

问: 西红柿炒鸡蛋这个菜味道怎么样?

A. 又酸又甜

B. 有点儿苦

C. 有点儿咸

ANSWER: A

22. (0.2 điểm) Đọc đoạn văn ngắn, chọn câu trả lời chính xác

今天山本去水果店买水果。水果店有很多水果: 香蕉、苹果、西红柿西瓜, 还有葡萄。山本喜欢吃甜的, 不喜欢吃酸的。他买香蕉和苹果。香蕉一斤四块五, 苹果一斤五块六。他买两斤香蕉和一斤苹果, 一共十四块六。山本给售货员二十块钱, 售货员找他五块四。水果店的水果都不太贵。

问: 山本买了多少钱?

- A. 十四块六
- B. 二十块
- C. 五块六

ANSWER: A

23. (0.2 điểm) Đọc đoạn văn ngắn, chọn câu trả lời chính xác

今天星期三，我早上七点十分起床，七点半吃早饭。上午八点有课，中午下课以后，我和马丽一起去吃午饭。下午不上课的时候，我有时候做作业，有时候喝茶。我晚上六点半吃晚饭。晚饭以后，我或者在家上网，或者去教室学习汉语。我晚上十点上床睡觉。

问：下午不上课的时候，“我”做什么？

- A. 做作业或者喝茶
- B. 在家上网或者去教室学习汉语
- C. 喝茶或者上网

ANSWER: A

24. (0.2 điểm) Đọc đoạn văn ngắn, chọn câu trả lời chính xác

以前马丽买东西的时候喜欢说“这个”，现在她知道怎么问。马丽问售货员：“香蕉多少钱一斤？”售货员说：“四块五一斤，你要多少？”马丽说：“我要三斤。”售货员问：“你还买什么？”马丽说：“不要了。”

问：马丽买什么水果？

- A. 香蕉
- B. 葡萄
- C. 苹果

ANSWER: A

25. (0.2 điểm) Đọc đoạn văn ngắn, chọn câu trả lời chính xác

下课以后，王华、王丽和马丽一起去饭馆吃饭。这家饭馆有很多菜，有羊肉、猪肉、鸡肉和鱼。他们点了一个西红柿炒鸡蛋、一个鱼汤。马丽吃一份饺子、喝一杯果汁。

问：这家饭馆没有什么菜？

- A. 牛肉
- B. 鱼汤
- C. 鸡肉

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn bằng chữ Hán (tối thiểu 60 chữ) theo chủ đề cho sẵn với các yêu cầu sau:

Chủ đề: 介绍一次你过生日的经历。

Trong đoạn văn phải sử dụng các từ sau:

生日 / 请 / 喜欢 / 吃 / 朋友

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 25	ANSWER: A	0.2	
II. Tự luận		5.0	
Viết văn	ĐÁP ÁN THAM KHẢO: 今天是我二十岁的生日。今天星期六，没有课，朋友们都有时间。中国人过生日喜欢吃面条，朋友们请我吃面条。 我们十一点半在学校门口见面。十二点差二十，马丽在学校门口等我。我的手表才十一点过五分，我马上去学校门口见她。 今天的面条很好吃，我很高兴。	5.0	
	Thang điểm chấm đoạn văn: 1/ Nội dung viết đúng chủ đề: 1đ 2/ Sử dụng 5 từ cho sẵn: 1đ 3/ Đoạn văn có đủ 3 phần: mở bài - thân bài - kết luận: 1đ 4/ Nội dung bài viết hay: 1đ 5/ Đoạn văn tối thiểu 60 chữ: 1đ * Điểm trừ: - Sai chính tả, 1 chữ trừ: 0.1đ - Sai kết cấu câu, 1 câu trừ: 0.2đ - Không sử dụng từ cho sẵn, mỗi chữ trừ: 0.2đ		
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Trưởng bộ môn



Mai Thu Hoài

Giảng viên ra đề



Lê Hoàng Ngọc Vy